

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

Số: 201/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Bến Tre, ngày 18 tháng 11 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 321/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Minh V**, sinh năm 1994;

HKTT: số A, ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Nguyễn Ngọc Lan T**, sinh năm 1999;

HKTT: số C ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Minh V và bà Nguyễn Ngọc Lan T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/02/2022. Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 6/2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông V và bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: ông V và bà T khai không có nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: ông V và bà T khai không có nên không xem xét.

[4] Lệ phí Tòa án: ông V và bà T thống nhất tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: các thỏa thuận trên của ông V và bà T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 10/11/2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:**

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Minh V và bà Nguyễn Ngọc Lan T thuận tình ly hôn.

Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: ông Trần Minh V và bà Nguyễn Ngọc Lan T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: ông Trần Minh V và bà Nguyễn Ngọc Lan T khai không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông Trần Minh V và bà Nguyễn Ngọc Lan T khai không có nên không xem xét.

**2. Về lệ phí:** lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Trần Minh V và bà Nguyễn Ngọc Lan T tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số: XYZ ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- UBND xã S, thành phố B - số 16 ngày 25/02/2022(1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

**THẨM PHÁN**

**(đã ký, đóng dấu)**

**Huỳnh Thị Thanh Như**